

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 55/2022/DS-ST

Ngày: 25 - 7 - 2022

“V/v tranh chấp nghĩa vụ trả nợ trong
hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nho Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Dương Minh Ngọc

+ Bà Phan Thị Thanh Dung

Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kiều Hoanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Nghĩa- Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại trụ S Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 131/2020/TLST – DS, ngày 11 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXX – ST ngày 25 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1984; trú tại: tổ A, khối phố T, thị trấn P, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân B, sinh năm: 1984; trú tại: số a, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (Có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Tiến S, sinh năm: 1984; trú tại: Thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 01/11/2018, ông Nguyễn Tiến S có ký kết hợp đồng vay tiền của bà H số tiền 150.000.000 đồng; thời hạn cho vay là từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/10/2019. Sau đó vào ngày 17/12/2018, ông S vay thêm của bà H số tiền 50.000.000 đồng, hai bên thống nhất mức lãi suất vay theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm cho vay.

Vào ngày 01/11/2019, bà H và ông S đã cộng dồn 2 khoản vay nói trên và thống nhất ký lại hợp đồng vay tiền ngày 01/11/2019. Theo đó số tiền mà ông Nguyễn Tiến S đã vay của bà H là 200.000.000 đồng; thời hạn cho vay là từ ngày 01/11/2019 đến ngày 31/10/2020. Mức lãi suất theo quy định của pháp luật tại thời

điểm cho vay. Đến nay thời hạn cho vay đã hết nhưng ông Nguyễn Tiến S vẫn chưa trả lại số tiền nói trên cho bà H đúng theo hợp đồng.

Ngoài ra, bà H và ông Nguyễn Tiến S có thỏa thuận góp chung vốn để mua đất. Cụ thể, vào ngày 07/12/2018 bà H có chuyển khoản cho ông Nguyễn Tiến S số tiền 100.000.000 đồng và giao 120.000.000 đồng cho ông Nguyễn Tiến S vào ngày 25/12/2019 để góp vốn mua lô đất tại thôn Đông An, xã Tam Giang, huyện Núi Thành. Hai bên thống nhất sau khi mua được sẽ làm thủ tục đứng tên chung trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thế nhưng sau đó ông Nguyễn Tiến S tự ý làm thủ tục để rồi được cơ quan chức năng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho riêng mình. Sau đó ông S đã chuyển nhượng lô đất này cho người khác mà không hỏi ý kiến của bà H, ông S chỉ trả lại cho bà H số tiền 120.000.000 đồng, còn lại số tiền 100.000.000 đồng mãi đến nay ông Nguyễn Tiến S cũng chưa trả lại cho bà H.

Vào ngày 24/09/2020, giữa bà H và ông Nguyễn Tiến S đã làm việc với nhau để làm rõ số tiền nợ thì ông Nguyễn Tiến S đã thừa nhận còn nợ bà H tổng số tiền là 300.000.000 đồng, nhưng không cam kết thời hạn trả nợ cụ thể.

Nay bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện ông Nguyễn Tiến S để yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Nguyễn Tiến S phải trả lại cho bà H số tiền đã vay là 200.000.000 đồng. Và tiền lãi suất chậm trả với mức lãi suất 10%/năm; thời điểm tính lãi suất chậm trả được tính từ ngày 02/11/2019 cho đến ngày 25/7/2022 là 32 tháng 23 ngày với số tiền là 54.593.000 đồng. Buộc ông Nguyễn Tiến S phải trả lại cho bà H số tiền còn lại là 100.000.000 đồng mà ông đã nhận của bà H để góp chung vốn mua đất với ông S. Không yêu cầu lãi suất chậm trả.

Bị đơn ông Nguyễn Tiến S trình bày:

Giữa ông S và bà H có ký kết hợp đồng vay tiền theo hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 01/11/2018 là 200.000.000 đồng nhưng ông S đã trả cho bà H được 118.000.000 đồng. Số tiền 118.000.000 đồng này ông S đã chuyển trả tiền lãi theo sự thỏa thuận giữa ông S và bà H. Còn số tiền gốc hiện nay còn lại là 200.000.000 đồng.

Đối với khoản tiền 100.000.000 đồng đây tiền đất ông S có nhận của bà H. Nhưng hiện nay ông S yêu cầu bà H phải tính trừ cho ông S 50.000.000 đồng; đây là lỗi của bà H nên ông S không đồng ý trả hết cho bà H số tiền 100.000.000 đồng chỉ đồng ý trả 50.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Tiến S phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền còn nợ là theo hợp đồng cho cá nhân vay tiền vào ngày 02/11/2019 là 200.000.000 đồng và lãi suất tính đến ngày 25/7/2022 là 54.593.000 đồng;

Buộc ông Nguyễn Tiến S phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền nợ 100.000.000 đồng theo biên bản làm việc ngày 24/9/2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Tiến S trú tại thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam để yêu cầu ông S phải trả lại số tiền còn nợ là 300.000.0000 và lãi suất theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về việc "Tranh chấp nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng vay tài sản". Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Về nội dung:

[2] Theo lời trình bày của nguyên đơn thì vào ngày 01/11/2018 giữa bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Tiến S có ký kết hợp đồng vay tiền cá nhân với số tiền là 150.000.000đồng; đến ngày 17/12/2018 thì bà H tiếp tục cho ông S vay thêm số tiền 50.000.000đồng với mức lãi suất thỏa thuận theo lãi suất ngân hàng hiện hành. Tuy nhiên, do ông S chưa trả số tiền nợ nên đến ngày 01/11/2019 thì giữa ông H và ông S ký lại hợp đồng vay tiền với số tiền ông S nợ bà H là 200.000.000đồng. Đối với vấn đề này, trong quá trình giải quyết vụ án và các đương sự thừa nhận nên đây là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông S phải trả cho bà H số tiền 200.000.000đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Đối với yêu cầu giải quyết lãi chậm trả Hội đồng xét xử xét thấy: Theo hợp đồng cho cá nhân vay tiền thì các bên thỏa thuận mức lãi suất như sau "*Mức lãi suất theo thỏa thuận của các bên dựa trên quy định của hệ thống pháp luật việt nam tại thời điểm cho vay*". Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu lãi suất 10%/năm. Thời hạn trả tiền lãi suất chậm trả tính từ ngày 02/11/2019 đến ngày 25/7/2022 là 32 tháng 22 ngày. Cụ thể: 200.000.000đồng x 10%/năm x 32 tháng, 22 ngày là: 54.593.000đồng. Căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn buộc ông S phải trả cho bà H số tiền lãi là 54.593.000đồng.

[4] Đối với số tiền nợ 100.000.000đồng mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả theo biên bản làm việc lập ngày 24/9/2020 và không yêu cầu tính lãi. Xét thấy bị đơn thừa nhận số tiền nợ 100.000.000đồng theo biên bản làm việc lập ngày 24/9/2020 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn buộc ông S phải trả cho bà H số tiền 100.000.000đồng.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Tiến S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H đối với bị đơn ông Nguyễn Tiến S về việc “Tranh chấp nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Nguyễn Tiến S phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu H tổng số tiền còn nợ là 354.593.000đồng (Ba trăm năm mươi bốn triệu, năm trăm chín mươi ba ngàn đồng). Trong đó: Tiền nợ gốc là 300.000.000đồng và tiền lãi chậm trả là 54.593.000đồng Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Ông Nguyễn Tiến S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 17.730.000đồng. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí 8.500.000 đồng mà bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003020 ngày 11/11/2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA